

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KONTUM**
Số: 01/2019/QĐST- DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐG, ngày 19 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ – sinh năm 1964
Trú tại: Khối 2 thị trấn Đ, huyện ĐT, tỉnh KonTum.
- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ – sinh năm 1983
Trú tại: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện ĐG, tỉnh KonTum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Ông Hoàng Văn Đ có ký hợp đồng thuê máy đào Komatsu của bà Lê Thị Đ ngày 06/3/2018, thời hạn thuê là 03 tháng tính từ ngày 06/3/2018 đến ngày 06/6/2018, giá thuê là 38.000.000đồng/tháng. Tổng giá trị hợp đồng là 114.000.000 đồng, ông Đ đã thanh toán được 43.000.000đồng, còn nợ 71.000.000đồng.

[2.2] Ông Hoàng Văn Đ và bà Lê Thị Đ thoả thuận thống nhất số tiền ông Đ còn nợ bà Đ là 71.000.000đồng. Do chậm trả nên ông Đ phải chịu thêm mức lãi suất hai bên thoả thuận là 0.8% tháng, tiền lãi tính từ tháng 6/2018 đến ngày 01/5/2019 là 6.000.000đồng. Tổng cộng là 77.000.000đồng, trừ đi tiền công ông Đ thuê vận chuyển máy 4.500.000đồng, còn lại 72.500.000đồng.

Đến ngày 01/5/2019 ông Hoàng Văn Đ phải trả đủ số tiền 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Lê Thị Đ.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, hết thời hạn phải trả nợ như đã thỏa thuận (01/5/2019), mà ông Hoàng Văn Đ không trả hết số tiền nêu trên cho bà Lê Thị Đ, và bà Lê Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Hoàng Văn Đ còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm trả, mức lãi suất thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên là 0,8% tháng đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ.

[2.3] Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Các đương sự thỏa thuận ông Đ nộp toàn bộ án phí. Ông Hoàng Văn Đ phải nộp số tiền án phí là: 1.812.500 đồng (*Một triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

- Trả lại cho bà Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.775.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/ 0004589 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐG, tỉnh KonTum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh KonTum.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trường Du

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).